

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày 25-10-2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
cầm cố quyền sử dụng đất
và Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Trương Thanh Quang.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Dương Thành Tâm, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia
phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7; ngày 13 tháng 8; ngày 09 tháng 9; ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1961. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Đinh Thị L, sinh năm 1963. (vắng mặt)

2.2. Anh Đinh Văn N, sinh năm 1965. (vắng mặt)

2.3. Anh Đinh Văn N, sinh năm 1967. (vắng mặt)

- 2.4. Anh Đinh Văn D, sinh năm 1969. (vắng mặt)
2.5. Anh Đinh Văn T, sinh năm 1971. (vắng mặt)
2.6. Chị Đinh Thị D, sinh năm 1973. (vắng mặt)
2.7. Chị Đinh Thị D, sinh năm 1975. (vắng mặt)
2.8. Anh Đinh Văn C, sinh năm 1979. (vắng mặt)
2.9. Anh Đinh Văn E (Chính E), sinh năm 1984. (vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Đinh Thị Hồng L, sinh năm 1958. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.
3.2. Chị Trần Thị N, sinh năm 1969. (vắng mặt)
3.3. Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1984. (vợ anh E), (vắng mặt)
3.4. Đinh Nhã P, sinh ngày 19/8/2009. (Con anh E), (vắng mặt)
3.5. Đinh Quốc H, sinh ngày 07/11/2014. (Con anh E), (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho Đinh Nhã P, Đinh Quốc H là anh Đinh Văn E và chị Nguyễn Thị Mộng C (cha mẹ ruột).

Cùng cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp – Người đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Văn T – chức vụ: Chi cục Trưởng.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

3.7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Địa chỉ: số 02, Láng H, Phường T, quận B, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành Phố H, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: số 37, Nguyễn Tất T, khóm 4, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Phạm Văn P ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tiến T, sinh năm: 1962, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày: Vào ngày 08/6/2007 ông có cầm cố của ông Đinh Văn C 01 công đất ruộng với số vàng là 15 chỉ vàng 24kra (ông C nhận vàng), thời hạn là 03 năm; đến ngày 04/11/2010 ông cầm cố tiếp của ông Đinh Văn H (cha ruột của ông C) 02 công đất ruộng (cặp với đất ông cố của ông C), với số vàng là 40 chỉ vàng 24kra (ông H nhận vàng), thời hạn cũng 03 năm.

Tổng cộng trước và sau hai cha con ông H, ông C cầm cố cho ông là 03 công đất ruộng, với tổng vàng là 55 chỉ vàng 24kara, ông đang canh tác đất thì được biết số đất này ông H (là cha) đã sang tên hết cho con là ông Đinh Văn E (Chính E) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, nên ông mới gặp ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn E làm tổng hợp lại thành một giấy cầm cố đất bằng chữ đánh máy đề ngày 04/11/2010, người ký tên cầm cố là ông Đinh Văn E, tổng số đất cố là 03 công tầm cắt, tổng số vàng là 55 chỉ (vàng 9999 Kim Thạch), thời hạn là 03 năm, kể từ ngày 04/11/2010 đến ngày 04/11/2013, đã hết hạn chuộc đất từ lâu và hiện nay phần đất này đang bị Chi cục thi hành án dân sự huyện H kê biên đề thi hành bản án khác. Nay ông T đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất với ông Đinh Văn H, ông Đinh Văn C, ông Đinh Văn E (Chính E) và được biết ông Đinh Văn H đã chết, nên ông đồng ý trả lại phần đất đã cố cho những người thừa kế của ông H và yêu cầu những người kế thừa kế nghĩa vụ của ông H là chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (Các con ông H) có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông số vàng đã cố đất là 55 (Năm mươi lăm) chỉ vàng 24kara 9999.

- Các bị đơn chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (Các con ông H) đều không hợp tác với Tòa án khi thụ lý giải quyết lại vụ án lần này, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật các thủ tục tố tụng đối với các bị đơn. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, thì các bị đơn có ý kiến như sau:

+ Đối với anh Đinh Văn E (Chính E): Cho rằng cha là Đinh Văn H có cầm cố 02 công đất, với số vàng là 40 chỉ. Tới năm 2010 thì cha anh chuyển quyền sử dụng đất lại cho anh đứng tên, nên ông Thông làm giấy cầm cố lại (vì anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), nên anh xin thời gian nữa để làm có tiền mới chuộc đất lại với ông Th.

+ Đối với anh Đinh Văn C: Thừa nhận có cầm cố cho ông T 01 công đất, với số vàng là 15 chỉ (không nhớ thời gian), lúc đó anh còn sống chung gia đình với ông H (là cha), nay phần đất này đã được giải quyết chia thừa kế, tất cả anh em của anh đều được hưởng, nên tất cả đều phải có trách nhiệm trả cho ông T.

+ Tại văn bản ý kiến chung của các bị đơn đề ngày 28/12/2020 cho rằng: Đối với phần đất 02 công ông H cố cho ông T với số vàng 40 chỉ, yêu cầu ông T chứng minh chứng từ nhận đủ vàng của ông H, và lại các bị đơn không có ăn hưởng gì số vàng này, nên không đồng ý trả; Đối với phần anh Đinh Văn C có lấy đất của cha (ông H) để cầm cố cho ông T được 15 chỉ vàng, thì đó là trách nhiệm của anh C, số anh em còn lại không có trách nhiệm liên đới. Tuy nhiên các bị đơn cũng đều thừa nhận có việc cầm cố đất cho ông T như nêu trên, nhưng nay chưa có vàng chuộc, nên ông T cứ tiếp tục canh tác đất, khi nào các bị đơn có đủ vàng sẽ chuộc đất lại.

- Những người liên quan của phía nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố H- người đại diện theo

ủy quyền là ông Nguyễn Tiến T trình bày: Ngân hàng yêu cầu bị đơn anh Đinh Văn E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng hộ với anh Đinh Văn E gồm: chị Nguyễn Thị Mộng C, chị Trần Thị N, chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, Đinh Nhã P, Đinh Quốc H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố H số tiền vay còn nợ là 82.803.893 đồng, (trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 25/10/2021 là 12.803.893 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

- Người liên quan Chi cục thi hành án dân sự huyện H (do ông Trịnh Văn T làm đại diện): Vắng mặt không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T:

1.1. Tuyên bố hợp đồng dân sự cầm cố quyền sử dụng đất theo “Tờ cầm đất” đề ngày 04/11/2010 giữa ông Trần Minh T với ông Đinh Văn E và Đinh Văn C (Tờ cầm đất ngày 04/11/2010 AL của cụ H và Tờ thuê đất ngày 08/6/2007 của anh C) vô hiệu.

1.2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn H (đã chết) gồm: chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn Di, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số vàng 40 chỉ vàng 24kra (9999);

1.3. Buộc anh Đinh Văn C có trách nhiệm trả cho T 15 chỉ vàng 24kra (9999);

1.4. Buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn H (đã chết) gồm: chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn Ng, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là: 3.792m², thuộc 01 phần thửa 1124, tờ bản đồ số 05, tại xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố H, buộc bị đơn anh Đinh Văn E và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng C, Đinh Nhã P, Đinh Quốc H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố H số tiền vay còn nợ gốc 70.000.000đ và lãi suất theo quy định cho đến khi trả xong nợ.

- Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có cùng địa chỉ cư trú tại địa phận huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với những người bị đơn, những người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do (trừ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố H có mặt), theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và những người liên quan, xét thấy là phù hợp, vì họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, cần thiết công bố tại phiên tòa, do đó căn cứ vào các Điều 227 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

+ Phần đất tranh chấp trong hợp đồng cầm cố, theo sơ đồ đo đạc số: TĐ: 03-2019 ngày 15/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thì có diện tích: 3.792,3m², thuộc 1 phần thửa 1124, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, (hiện do ông Trần Minh T quản lý canh tác; anh Đinh Văn E (Chính E) đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, cấp ngày 19/6/2010).

+ Theo Bản án phúc thẩm số: 213/2020/DS-PT ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhận định hủy Bản án sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H là do không đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đinh Văn H (đã chết) vào tham gia vụ án, để xem xét nghĩa vụ trả vàng cầm cố đất lại cho ông T, từ đó căn cứ vào Bản án phúc thẩm số: 362/2018/DS-PT ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xác định những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đinh Văn H gồm: chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (các con ông H), nên lần thụ lý lại này Tòa án nhân dân huyện H đã đưa đầy đủ những người này vào tham gia vụ án với tư cách là bị đơn – trên cơ sở đơn khởi kiện lại của ông Trần Minh T. Mặc dù lần này các bị đơn đều không hợp tác trong việc giải quyết án (đều vắng mặt), nhưng căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án qua các lần giải quyết trước đây cũng như tại văn bản ý kiến ngày 28/12/2020 thì các bị đơn đều thừa nhận vào năm 2007 và năm 2010 ông Đinh Văn H (là cha), anh Đinh Văn C (là con) có cầm cố tổng cộng 03 công đất cho ông Trần Minh T, với tổng số vàng là 55 chỉ (vàng 24kra) – đã được gộp chung lại thành một tờ giấy cầm đất đánh máy ghi ngày 04/11/2010 do anh Đinh Văn E đại diện ký tên. Xét thấy ý kiến của các bị đơn đã phù hợp với trình bày trong đơn khởi kiện của ông Trần Minh T.

+ Do đã quá thời hạn cầm cố và hiện nay phần đất này đã bị Chi cục thi hành

án dân sự huyện H kê biên để đảm bảo thi hành của bản án khác, nên ông Trần Minh T đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất nêu trên, đồng ý trả hết đất lại cho các bị đơn và yêu cầu các bị đơn liên đới trả lại cho ông T tổng cộng là 55 chỉ vàng 24k; Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ông T, mà cho rằng trách nhiệm đó là của ông H với anh C, còn nếu có trả thì phải có thời gian làm mới có vàng trả từ từ, đất thì ông T tiếp tục canh tác. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Đối với hợp đồng cầm cố đất thì các bên thừa nhận là có, cụ thể hiện nay ông T vẫn đang canh tác đất, vàng cố thì theo giấy cầm cố ngày 04/11/2010 (viết tay) là ông Đinh Văn H có ký tên nhận 40 chỉ, anh C thừa nhận có nhận 15 chỉ, nay mặc dù ông T đồng ý hủy hợp đồng cầm cố, các bị đơn không đồng ý, nhưng đối chiếu vào quy định của pháp luật về đất đai thì quyền sử dụng đất không cho phép cầm cố, mà các bên lại thực hiện, nên trái với quy định, do đó hợp đồng sẽ bị vô hiệu ngay từ đầu và các bên sẽ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Trong vụ án ông T đồng ý trả lại đất và yêu cầu các bị đơn là những người con của ông H, đồng thừa kế quyền sử dụng đất của ông H có trách nhiệm liên đới trả lại ông 55 chỉ vàng cố đất – căn cứ vào bản án phúc thẩm số: 362/2018/DS-PT ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xác định các phần đất của hộ ông Đinh Văn H (trong đó có phần đất cầm cố này và nay do anh Đinh Văn E đại diện hộ đứng tên), là thuộc quyền sử dụng của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông H gồm chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (các con ông H), do ông H đã chết thì các bị đơn đã được hưởng kế thừa quyền sử dụng đất của ông H, thì phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông H (theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự) trả lại cho ông T 40 chỉ vàng 24k theo hợp đồng cố 02 công đất ngày 04/11/2010 (giấy viết tay); Đối với 15 chỉ vàng 24k anh Đinh Văn C thừa nhận có nhận của ông T trong việc cố 01 công đất (giấy viết tay ngày 08/6/2007) và anh C cho rằng lúc này anh sống chung với gia đình ông H, nhưng anh C không đưa ra được chứng cứ chứng minh là anh đưa 15 chỉ vàng này vào việc sử dụng chung cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình với ông H, do đó anh C phải có trách nhiệm 01 mình trả lại cho ông T mới phù hợp; ông T có trách nhiệm giao trả lại cho các bị đơn phần đất đã cố có diện tích: 3.792,3m², thuộc 1 phần thửa: 1124, tờ bản đồ số: 05, mục đích sử dụng: trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

[3]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố H. Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì đến nay hộ anh Đinh Văn E vay đã quá hạn trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hộ anh Đinh Văn E trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy Ngân hàng dựa vào sổ hộ khẩu cấp năm 2009 do ông Đinh Văn H đứng tên để yêu cầu những người trong hộ cùng trả nợ, nhưng nợ vay này anh Đinh Văn E đứng vay vào năm 2019, mà vào thời điểm này ông Đinh Văn H đã chết và đại diện Ngân hàng thừa nhận chỉ căn cứ vào hồ sơ vay cũ, hợp đồng thế chấp tài sản vào năm 2015, đồng thời cũng không chứng minh được Trần Thị N, Đinh Thị L, Đinh Văn N còn sống chung gia đình với anh Đinh Văn E hay không, có sử dụng chung tiền vay hay không, trong khi đó những người này đã có gia đình sống riêng từ lâu. Do đó với sự

thừa nhận của đại diện Ngân hàng, thì những người nêu trên không liên quan đến số tiền anh Đinh Văn E vay vào năm 2019, nên chỉ buộc riêng hộ gia đình anh Đinh Văn E trả cho Ngân hàng số tiền vay này mới đúng với pháp luật, đúng với thực tế.

[4]. Đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện H và bà Đinh Thị Hồng L không có ý kiến trong vụ án, nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên đối với phần đất tranh chấp trong vụ án này có liên quan đến việc Chi cục thi hành án kê biên để đảm bảo cho việc thi hành bản án khác, do đó khi ông T giao trả đất thì Chi cục thi hành án có quyền xem xét thực hiện theo quy định.

[5]. Qua nhận định trên, xét thấy việc đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn ông Trần Minh T đã nộp tạm ứng số tiền là: 4.848.000 đồng tại hóa đơn thu 14AB/19P, số:0000203 ngày 23/8/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Xét thấy vụ án này hợp đồng cầm cố đất trái với quy định của pháp luật và đã bị vô hiệu ngay từ đầu, nên các bên đều có lỗi, do đó mỗi bên phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn ông T đã nộp tạm ứng và phải chịu 50%, nên nguyên đơn ông T đã nộp xong, còn lại 50% các bị đơn phải chịu, nên có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn ông T số tiền là: 2.424.000 đồng.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vụ án này hợp đồng cầm cố đất trái với quy định của pháp luật và đã bị vô hiệu ngay từ đầu, nên các bên đều có lỗi, do đó đều phải chịu án phí sơ thẩm trên giá trị tài sản mà mình có nghĩa vụ giao trả, tuy nhiên xét thấy lẽ ra nguyên đơn ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng hiện nay ông T thuộc trường hợp người cao tuổi, nên được miễn; Đối với các bị đơn phải nộp 5% trên giá trị vàng phải giao trả cho ông T; Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 123, 131, 463, 466, 615 Bộ luật Dân sự; các Điều 12, 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Minh T.

1.1. Tuyên bố các hợp đồng cầm cố đất, thuê đất giữa ông Đinh Văn H (giấy viết tay ngày 04/11/2010), anh Đinh Văn C (giấy viết tay thuê đất ngày 08/6/2007),

anh Đinh Văn E (giấy đánh máy ngày 04/11/2010) với ông Trần Minh T là vô hiệu.

1.2. Ông Trần Minh T có trách nhiệm giao trả lại cho các bị đơn chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (các con ông H) sử dụng phần đất diện tích: 3.792,3m², thuộc thửa: 1124, tờ bản đồ số: 05, mục đích sử dụng: trồng lúa nước (trong phạm vi từ M1 đến M9 trở về M1 – không tính diện tích 663,8m² thuộc một phần thửa 103), tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (do Đinh Văn E đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: TĐ:03-2019 ngày 15/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

1.3. Buộc các bị đơn chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E (là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đinh Văn H - đã chết), cùng có nghĩa vụ liên đới giao trả lại cho nguyên đơn ông Trần Minh T 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24kra (9999).

1.4. Buộc bị đơn anh Đinh Văn C có trách nhiệm giao trả lại cho nguyên đơn ông Trần Minh T 15 (Mười lăm) chỉ vàng 24kra (9999).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố H: Buộc hộ gia đình anh Đinh Văn E, gồm: (Đinh Văn E, Nguyễn Thị Mộng C, Đinh Nhã P, Đinh Quốc H) có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh thành phố H, tỉnh Đồng Tháp số tiền vay còn nợ là 82.803.893 đồng, (trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/10/2021 là 12.803.893 đồng) và phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký số 6508LAV201906738 ngày 18/12/2019 cho đến khi trả xong nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

3.1. Nguyên đơn ông Trần Minh T phải chịu 2.424.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng đã được trừ vào tạm ứng ông T đã nộp, nên ông T đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3.2. Các bị đơn chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn C, anh Đinh Văn E có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Minh T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 2.424.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Đối với nguyên đơn ông Trần Minh T, được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi), nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 5.087.000 đồng, theo biên lai thu số: BH/2018/0000892 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Đối với các bị đơn chị Đinh Thị L, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn N, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị D, chị Đinh Thị D, anh Đinh Văn

C, anh Đinh Văn có nghĩa vụ liên đới nộp 10.600.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% của giá trị 40 chỉ vàng giao trả - giá vàng được tính là 5.300.000 đồng/chỉ).

4.3. Đối với bị đơn anh Đinh Văn C có nghĩa vụ nộp 1.590.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% của giá trị 15 chỉ vàng giao trả - giá vàng được tính là 5.300.000 đồng/chỉ).

4.4. Đối với hộ anh Đinh Văn E, chị Nguyễn Thị Mộng C có trách nhiệm liên đới nộp 4.140.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% của giá trị tiền nợ phải trả cho Ngân hàng).

4.5. Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thành phố H, tỉnh Đồng Tháp không phải nộp án phí, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.868.000 đồng, tại biên lai thu số: BI/2019/0012955 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Minh T, người liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thành phố H, tỉnh Đồng Tháp có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/10/2021). Đối với những bị đơn, những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách